

PHỤ LỤC I

**MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG,
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN (đầu năm học 2024- 2025)**

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Mầm non An Phượng

2. Địa chỉ:

Khu trung tâm: Thôn Ngoại Đàm, xã An Phượng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

Khu Phường Đầu: Thôn Phường Đầu, xã An Phượng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

Khu An Lại: Thôn An Lại, xã An Phượng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ thư điện tử: hd-th-mnpuonghoang@haiduong.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: <http://th-mnpuonghoang.haiduong.edu.vn>

3. Loại hình: Trường công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

Trường Mầm non An Phượng xây dựng chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ Trường mầm non; lớp học được tổ chức theo từng độ tuổi; các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động theo quy định. Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp.

Đổi mới và tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến dựa trên đặc điểm tình hình của nhà trường và nhu cầu, khả năng của trẻ. Thực hiện chuyển đổi số GDMN, hội nhập với xu thế giáo dục hiện đại đồng thời giữ gìn và phát huy nền văn hóa của địa phương. Tạo uy tín và vị thế của nhà trường trong lĩnh vực giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Nhà trường chú trọng thực hiện công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo chương trình GDMN ban hành theo Thông tư Thông tư số 51/2020/TT- BGDDĐT ngày 31/12/2020 thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục

mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đảm bảo mục tiêu giáo dục.

Thực hiện tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục kỹ năng phù hợp với lứa tuổi trong thực hiện Chương trình GDMN; đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục, chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm và sáng tạo, giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một;

Nhà trường vận dụng thêm phương pháp Giáo dục STEAM, tôn trọng sự sáng tạo của trẻ, giáo viên chỉ là người đưa ra vấn đề, định hướng, còn trẻ sẽ là người giải quyết vấn đề đó; phương pháp dạy học theo dự án, đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục.

Trường xây dựng và thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ cơ sở trong hoạt động nhà trường; tích cực thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động; quản lý tài chính, tài sản đúng quy định của nhà nước, luôn đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho trẻ và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Xây dựng và phát triển nhà trường về mọi mặt, trong quá trình hoạt động, nhà trường quy định trách nhiệm và quyền hạn từng chức danh trong nhà trường. Có biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch và các hoạt động phong trào khác.

5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường mầm non An Phượng được thành lập trên cơ sở sáp nhập trường Mầm non An Lương và Phượng Hoàng theo Quyết định số 5367/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hà. Nhà trường đã trải qua quá trình sáp nhập trong điều kiện cơ sở vật chất còn rất nhiều khó khăn.

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có 03 điểm trường nằm ở các khu dân cư khác nhau, khoảng cách giữa điểm trường trung tâm Ngoại Đàm với điểm Phượng đầu là 1 km, với điểm trường An Lại là 2 km. Tổng diện tích cả trường là 12.642m² với tổng số 23 nhóm, lớp. Các phòng học đã được trang thiết bị đồng bộ đáp ứng cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo yêu cầu.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo UBND huyện, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND xã An Phượng. Đặc biệt nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Hà cùng với sự quan tâm kết hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ theo Điều lệ trường mầm non, đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc và

trong việc tổ chức các hoạt động CS, ND, GD trẻ.

Trình độ chuyên môn chuẩn và trên chuẩn đạt 100%. Trẻ đến trường ngoan ngoãn, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, trẻ tích cực tham gia vào các hoạt động, trẻ có nền nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động như học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động...

Đa số PHHS đã có nhận thức đầy đủ về công tác giáo dục trẻ mầm non.

Nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Đơn vị đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc; giấy khen của chủ tịch UBND huyện; Chi bộ, Công đoàn hoàn thành tốt, xuất sắc nhiệm vụ trong những năm qua. Đồng chí Lê Thị Vân - Hiệu trưởng nhà trường đã được nhận bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Lê Thị Vân

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường MN An Phượng, thôn Ngoại Đàm, xã An Phượng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Số điện thoại: 0384.749.922

Địa chỉ thư điện tử: levanhd1984@gmail.com.vn

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Trường MN An Phượng được thành lập theo Quyết định số 5367/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hà.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường và các thành viên

Quyết định số 13/QĐ-GDĐT ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Hà về kiện toàn Hội đồng trường mầm non An Phượng nhiệm kỳ 2019 - 2024.

STT	Họ và tên	Chức vụ Đảng - Chính quyền	Chức vụ Hội đồng trường
1	Lê Thị Vân	BT Chi bộ - HT	Chủ tịch
2	Nguyễn Thị Lan Hương	TT tổ Văn phòng	Thư ký

3	Phạm Thị Ngọc	CTCD trường	Ủy viên
4	Nguyễn Tiến Hoan	ĐUV - PCT UBND xã	Ủy viên
5	Nguyễn Tôn Quân	Đại diện PHHS	Ủy viên
6	Nguyễn Thị Tuyết	TTCM tổ MG 4 - 5 tuổi	Ủy viên
7	Nguyễn Thị Thịnh	TTCM tổ MG 3 - 4 tuổi	Ủy viên
8	Nguyễn Thị Hiệp	TTCM tổ Nhà trẻ	Ủy viên
9	Phạm Thị Hồng Dương	Bí thư Chi đoàn trường	Ủy viên

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường.

- Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2020 của UBND huyện Thanh Hà về việc bổ nhiệm có thời hạn đối với cán bộ quản lý trường học đối với đ/c Lê Thị Vân - chức vụ Hiệu trưởng.

- Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2020 của UBND huyện Thanh Hà về việc bổ nhiệm có thời hạn đối với cán bộ quản lý trường học đối với đ/c Nguyễn Thị Minh - chức vụ Phó Hiệu trưởng.

- Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2020 của UBND huyện Thanh Hà về việc bổ nhiệm có thời hạn đối với cán bộ quản lý trường học đối với đ/c Bùi Thị Hương - chức vụ Phó Hiệu trưởng.

- Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2020 của UBND huyện Thanh Hà về việc bổ nhiệm có thời hạn đối với cán bộ quản lý trường học đối với đ/c Phạm Thị Thao - chức vụ Phó Hiệu trưởng.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động: chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và sơ đồ tổ chức bộ máy

***Quy chế hoạt động của trường MN An Phượng**

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra,

đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại trẻ, quyết định khen thưởng cuối năm cho học sinh.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

*** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường**

Trường MN An Phượng là cơ sở giáo dục mầm non của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Thanh Hà.

- Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 72 tháng tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

- Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

- Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy**

+ 01 Hội đồng trường với 07 thành viên của nhà trường và 01 đ/c đại diện cho UBND xã và 01 đ/c đại diện CMHS.

+ 01 Hiệu trưởng và 03 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 37 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 52 công đoàn viên.

Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

T T	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Lê Thị Vân	Hiệu trưởng	0384.749.922	levanhd1984@gmail.com
2	Nguyễn Thị Minh	Phó hiệu trưởng	0365.139.571	minhtuyen16874 gmail.com
3	Bùi Thị Hương	Phó hiệu trưởng	0339.873.600	buithihuong27071975@gmail.com
4	Phạm Thị Thao	Phó hiệu trưởng	0979.986.287	thaomamnonanluong@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường MN AN Phụng, thôn Ngoại Đàm, xã An Phụng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Các văn bản khác của nhà trường:

- Đề án chiến lược phát triển nhà trường: Số 01/CLPT -TrMN ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Trường MN An Phụng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 tầm nhìn năm 2030

- Quy chế dân chủ nhà trường:

+ Quyết định số 80/QĐ-TrMN ngày 25/9/2024 của trường mầm non An Phượng về việc ban hành Quy chế dân chủ trường học năm học 2024 - 2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Chuẩn nghề nghiệp				Bồi dưỡng hàng năm	
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Hoàn thành	Không hoàn thành
	Tổng số GV, CBQL, NV	63	0	1	48	3	0		33	17	0	0	60	
I	Giáo viên	46	0	0	43	3	0	0	0	0	0	0	46	0
1	Nhà trẻ	10			9	1			5	5			10	
2	Mẫu giáo	36			34	2			24	12			36	
II	Cán bộ quản lý	04	0	1	3	0	0	0	4	0	0	0	0	0
1	Hiệu trưởng	01		1	0				1				1	
2	Phó hiệu trưởng	03		0	3				3				3	
III	Nhân viên	13	0	0	2	0	0	11	0	0	0	0	10	0
1	Nhân viên văn thư	0											0	
2	Nhân viên kế toán	01			1								1	
3	Thủ quỹ	0											0	
4	Nhân viên y tế	01			1								1	
5	Nhân viên khác	11			0	0	0	11					8	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	23	1,6 m²/trẻ
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	23	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	03	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường(m²)	11.801m²	18m²
V	Tổng diện tích sân chơi(m²)	4.500m²	6,4m²

VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1.524 m ²	2,1 m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	402 m ²	0,6 m ²
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	770 m ²	11 m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng(m ²)	0	
7	Diện tích nhà bếp và kho(m ²)	510m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu Đơn vị tính:bộ)		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	2.357	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	56	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	18	3 sân chơi
IX	Tổng số thiết bị điện tử - tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	2 máy tính 2 máy chiếu	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng chogiáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	5		18		

2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
---	-------------------------	--	--	--	--	--

		C ó	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet(ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	
..	...		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục: Đạt cấp độ 2.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Quyết định số 765/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương về công nhận trường Mầm non An Phượng, huyện Thanh Hà đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Nhà trường xây dựng Kế hoạch thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục trong năm học

a. Kế hoạch hoạt động tuyển sinh theo kế hoạch số 13/KH-TrMN ngày 08/8/2024.

b. Kế hoạch số 21/KH-TrMN ngày 26/9/2024 của trường mầm non An Phượng về việc chỉ đạo chuyên môn.

- Kế hoạch số 22/KH-TrMN ngày 26/9/2024 của trường mầm non An Phượng về việc chỉ bán trú.

c. Quy chế phối hợp giữa nhà trường và các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn xã An Phượng.

d. Thực đơn hàng ngày của trẻ:

Thực đơn tuần lễ (Mùa hè)

	Thứ	Trẻ 24 - 36 tháng tuổi			Trẻ 36 - 72 tháng tuổi		Ghi chú
		Bữa trưa	Bữa chiều	Bữa phụ	Bữa trưa	Bữa phụ	
1	Thứ 2	Cơm tẻ	Cháo thịt lợn	Sữa Dielac Supber Star	Cơm tẻ	Cháo thịt lợn	
		Thịt lợn kho . trứng cút			Thịt lợn kho trứng cút		
		Rau ngót (Rau cải) nấu xương			Rau ngót (Rau cải) nấu xương		
	Thứ 3	Cơm tẻ	Cháo chè đỗ đen	Thanh long	Cơm tẻ	Cháo chè đỗ đen	
		Thịt bò sốt củ, quả			Thịt bò sốt củ, quả		
		Muối vừng			Muối vừng		
		Mồng tơi nấu cua			Mồng tơi nấu cua		
	Thứ 4	Cơm tẻ	Cháo thịt lợn	Sữa + Bánh mì	Cơm tẻ	Sữa + Bánh mì	
		Thịt lợn sốt đậu phụ			Thịt lợn sốt đậu phụ		
		Bí xanh nấu xương lợn			Bí xanh nấu xương lợn		
	Thứ 5	Cơm tẻ	Cháo chè đỗ xanh	Chuối tây (Dưa hấu)	Cơm tẻ	Cháo chè đỗ xanh	
		Thịt lợn rim tôm			Thịt lợn rim tôm		
		Rau đay, mướp nấu tép			Rau đay, mướp nấu tép		
	Thứ 6	Cơm tẻ	Phở ngan	Sữa Dielac Supber Star	Cơm tẻ	Phở ngan	
		Thịt ngan rim			Thịt ngan rim		
		Trứng rán			Trứng rán		
		Canh bí đỏ nấu xương lợn			Canh bí đỏ nấu xương lợn		

Thực đơn tuần chẵn (Mùa hè)

	Thứ	Trẻ 24 - 36 tháng tuổi			Trẻ 36 - 72 tháng tuổi		Ghi chú
		Bữa trưa	Bữa chiều	Bữa phụ	Bữa trưa	Bữa phụ	
1	Thứ 2	Cơm tẻ	Cháo chè đỗ đen	Sữa Dielac Supber Star	Cơm tẻ	Cháo chè đỗ đen	
		Thịt lợn kho trứng cút			Thịt lợn kho trứng cút		
		Canh mồng tơi nấu cua			Canh mồng tơi nấu cua		
	Thứ 3	Cơm tẻ	Cháo thịt lợn	Thanh long	Cơm tẻ	Cháo thịt lợn	
		Thịt bò sốt củ, quả			Thịt bò sốt củ, quả		
		Muối vừng			Muối vừng		
		Bí đỏ nấu xương lợn			Bí đỏ nấu xương lợn		
	Thứ 4	Cơm tẻ	Cháo thịt lợn	Sữa + Bánh mì	Cơm tẻ	Sữa + Bánh mì	
		Thịt lợn sốt đậu phụ			Thịt lợn sốt đậu phụ		
		Rau ngót (Rau cải) nấu xương			Rau ngót (Rau cải) nấu xương		
	Thứ 5	Cơm tẻ	Cháo chè đỗ xanh	Chuối tây (Dưa hấu)	Cơm tẻ	Cháo chè đỗ xanh	
		Thịt lợn rim tôm			Thịt lợn rim tôm		
		Rau đay, mướp nấu tép			Rau đay, mướp nấu tép		
	Thứ 6	Cơm tẻ	Phở gà	Sữa Dielac Supber Star	Cơm tẻ	Phở gà	
		Thịt gà rim			Thịt gà rim		
		Trứng rán			Trứng rán		
		Canh bí xanh nấu xương lợn			Canh xanh nấu xương lợn		

đ. Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (Không có)

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số nhóm, lớp	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
				3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	23	601	0	5	105	165	153	173
1	Số trẻ em nhóm ghép	2	0		5	105	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	23	601	0	5	105	165	153	173
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	23	601	0	5	105	165	153	173
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	23	601	0	5	105	165	153	173
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	23	601	0	5	105	165	153	173
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em								
1	Số trẻ cân nặng bình thường		598	0	5	105	165	153	173
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân		3		0	0	1	2	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường		599		0	0	144	173	195
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi		2		0	0	1	1	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì		16		0	0	0	6	10
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục								
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	4	110		5	105			

2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	19	491				165	153	173
VII	Kết quả thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi)	Đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi năm 2023							
VIII	Số trẻ khuyết tật	Không có trẻ khuyết tật							

Đầu năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số lớp	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
				3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	23	505	0	19	38	126	169	153
1	Số trẻ em nhóm ghép	3	0		5	105	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	0	505	0	19	38	126	169	153
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	23	505	0	19	38	126	169	153
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	23	505	0	19	38	126	169	153
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	23	505	0	19	38	126	169	153
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em								
1	Số trẻ cân nặng bình thường		499	0	19	37	125	168	150
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân		6		0	1	1	1	3
3	Số trẻ có chiều cao bình thường		481		0	36	126	168	151

4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi		4		0	2	0	0	2
5	Số trẻ thừa cân béo phì		12		0	0	2	6	4
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục								
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	5	57		19	38			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	18	448				126	169	153
VII	Kết quả thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi)	Đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi							
VIII	Số trẻ khuyết tật	Không có trẻ khuyết tật							

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Kết quả thu chi ngân sách và học phí 6 tháng cuối năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024

DVT: Đồng

TT	Nội dung	6T ĐẦU NĂM 2024	6T CUỐI NĂM 2023
1	2	3	4
A	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
I	Các khoản thu		
1	Nguồn kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.863.980.000	3.188.572.700
2	Nguồn kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	604.488.000	0
II	Các khoản chi		
1	Chi tiền lương và thu nhập: Vào các TM 6000,6050, 6100,6300,6700,6750, 6449	2.921.200.366	2.804.412.696
2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: Chi mua sắm, duy tu sửa chữa bảo dưỡng, TTB, thuê mướn các DV phục vụ hoạt động GD...(TM: 6500, 6550,6600, 6900, 7000)	21.663.250	259.790.004

TT	Nội dung	6T ĐẦU NĂM 2024	6T CUỐI NĂM 2023
3	Chi hỗ trợ: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, CB đi học, hoạt động phong trào, thi đua khen thưởng (6150, 6400)	308.560.000	18.160.000
4	Chi khác: 7750	7.928.000	106.210.000
	Dư cuối kỳ	3.209.116.384	0
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí		
1	Số dư năm trước chuyển sang	0	478.441.866
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		336.734.500
1	Chi tiền lương và thu nhập tăng thêm		0
2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: Chi mua sắm, duy tu sửa chữa bảo dưỡng, TTB, thuê mượn các DV phục vụ hoạt động GD...(TM: 6500, 6550, 6600, 6900, 7000)	0	212.144.250

2. Báo cáo thu chi quỹ ngoài ngân sách

STT	Nội dung	Số HS	Số tiền/ HS	Số Thu	Số chi
1	Tiền ăn bán trú		17.000đ /HS/ngày		
	Thu năm học 2023-2024			1.689.622.000	1.689.622.000
2	Tiền công cô CSND		200.000đ/HS/tháng	946.536.000	946.536.000
3	Điện, nước, phụ phí		50.000đ/HS/tháng	256.399.000	256.399.000
4	Nước uống		7.000đ/HS/tháng	36.022.000	36.022.000

STT	Nội dung	Số HS	Số tiền/ HS	Số Thu	Số chi
5	Đồ dùng phục vụ bán trú		200.000đ/trẻ/ năm (chỉ thu trẻ mới nhập học lần đầu)	37.400.000	37.400.000
6	Đồ dùng, thiết bị tối thiểu		MG: 200.000đ/ trẻ/năm NT: 150.000đ/trẻ/năm	111.625.000	111.625.000
7	Lao công		10.000đ/HS/tháng	28.365.000	28.365.000
8	Đồng phục học sinh			41.690.000	41.690.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục:

1.1. Công tác tham mưu và xây dựng văn bản chỉ đạo của nhà trường:

- Tham mưu với các cấp lãnh đạo triển khai thực hiện kịp thời hiệu quả các văn bản chỉ đạo của trung ương về phát triển giáo dục mầm non. Đưa ra một số nội dung cơ bản về phát triển mầm non của địa phương theo quy định vào chương trình hành động của Đảng ủy và kế hoạch chỉ đạo của HĐND, UBND về phát triển giáo dục của địa phương

- Nhà trường xây dựng kế hoạch số 20/KH-TrMN ngày 26/9/2024 về thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch hoạt động của chi bộ, kế hoạch phối kết hợp với hội cha mẹ học sinh thực hiện nhiệm vụ năm học 2024- 2025 đạt kết quả.

- Trường đã thực hiện tốt các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục Mầm non. Đã tổ chức cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên nghiên cứu quán triệt các văn bản chỉ đạo của các cấp trên như Luật Lao động 2021; Luật Giáo dục 2019; Luật Viên chức; Luật căn cước năm 2023...

1.2. Công tác thanh tra- kiểm tra:

- Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên được kiểm tra: 52 đ/c.

+ Số giáo viên được kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ: 46/46 giáo viên, đạt 100%. Trong đó: Xếp loại Tốt: 39/46 GV, đạt tỷ lệ 85%; Xếp loại Khá: 7/46 GV, đạt 15%.

+ Số nhân viên nấu ăn được kiểm tra: 08/8 nhân viên được đánh giá đạt 100%.

- Trong năm học 2023-2024 qua kiểm tra không có giáo viên nhân viên vi phạm

quy chế chuyên môn, nội quy của nhà trường.

2. Thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua:

- 100% CB, GV, NV thực hiện sôi nổi các cuộc vận động, các phong trào do nhà trường và ngành phát động

Kết quả xếp loại trang trí nhóm, lớp: Tốt: 23/23 lớp, đạt 100%.

- 100% CBGV-NV thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống lương tâm nghề nghiệp có ý thức trách nhiệm, tình thương đối với trẻ, tác phong mẫu mực.

- Mọi hoạt động của trường có nề nếp, tập thể sư phạm đoàn kết.

- Bình xét thi đua cuối năm học:

+ HTSXNV: 9/50 đ/c, đạt 18%

+ HTTNV: 40/50 đ/c, đạt: 80%

+ HTNV: 01/50 đ/c, đạt 2%

3. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL và giáo viên

- Phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên hợp lý, đồng thời quản lý chặt chẽ ngày công, giờ công của cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường.

- Đã tạo điều kiện cho CBQL và GV toàn trường được tập huấn ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến như STEAM,... thường xuyên tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên theo đợt, để củng cố các kiến thức, kỹ năng về chuyên môn cho CB, GV, NV.

- Kết quả đánh giá viên chức giáo viên

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 6/46 đ/c, đạt 13%

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 38/46 đ/c, đạt 83%

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 01/46 đ/c, đạt 2%

+ Chưa đủ ĐK để đánh giá: 01 đ/c

- Kết quả đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp GVMN:

+ Đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức Tốt: 29/46 đ/c

+ Đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức Khá: 17/46 đ/c

- Có 08 đồng chí tham gia viết sáng kiến có ảnh hưởng phạm vi ngoài cơ sở.

4. Thực hiện chế độ chính sách đối với đội ngũ và với trẻ

4.1. Cán bộ- Giáo viên- Nhân viên

- 100% CBGVNV được hưởng chế độ chính sách theo quy định, trong

đó 50 đồng chí CBGV viên chức, 02 đồng chí giáo viên hợp đồng lao động, hợp đồng 08 nhân viên nuôi dưỡng và 03 bảo vệ.

- Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Hiện nhà trường có 02 đc đang theo học lớp Đại học.

4.2 Đối với trẻ:

- Hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn (Hộ nghèo, cận nghèo, khuyết tật).
- Nhà trường cũng đã kêu gọi và tặng được 10 suất quà cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền: 3.000.000đ.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin.

Nhà trường đang thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục. Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung. Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như bán trú, phần mềm CSDLN, phần mềm Misa.....Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm. Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định. Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

6. Công tác truyền thông.

Nhà trường có xây dựng kế hoạch truyền thông, ra quyết định phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo. Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (trang fanpage Mầm non An Phượng, zalo nhóm lớp), thông qua website trường.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Vân